**Phụ lục**

**CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 01-ĐXNV

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Dùng cho đề tài KH&CN hoặc đề án khoa học): Mẫu 02-ĐXĐH

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm): Mẫu 03-ĐXĐH

4. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Dùng cho dự án khoa học và công nghệ): Mẫu 04-ĐXĐH

5. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Dùng cho chương trình KH&CN): Mẫu 05-ĐXĐH

6. Đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 06-ĐĐK

7. Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 07-TMĐTCN

8. Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh: Mẫu 08-TMĐTXH

9. Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh: Mẫu 09-TMDA

10. Thuyết minh đề án khoa học cấp tỉnh: Mẫu 10-TMĐA

11. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 11-LLTC

12. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia nghiên cứu chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 12-LLCN

13. Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 13-PHNC

14. Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 14-BBMHS

15. Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 15-BBTĐĐT

16. Biên bản họp thẩm định kinh phí dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh: Mẫu 16-BBTĐDA

17. Báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (phục vụ kiểm tra, đánh giá): Mẫu 17-BCTĐ

18. Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 18-BCNTCS

19. Giấy đề nghị đánh giá nghiệm thu đề tài cấp tỉnh: Mẫu 19-ĐNĐGNT

20. Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh: Mẫu 20-BCHT

21. Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 21-BBTLHĐ

22. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng đề tài/dự án cấp tỉnh: Mẫu 22-PNX

23. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 23-PNX

24. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 24-PNX

25. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 25-PNX

26. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng đề tài/dự án cấp tỉnh: Mẫu 26-PĐG

27. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 27-PĐG

28. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 28-PĐG

29. Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 29-PĐG

30. Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 30-BBKP

31. Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 31-BBHĐXĐ

32. Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 32-NXĐTCN

33. Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh: Mẫu 33-NXĐTXH

34. Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì dự án cấp tỉnh: Mẫu 34-NXDA

35. Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 35-NXĐA

36. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh: 36-ĐGĐTCN

37. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh: 37-ĐGĐTXH

38. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh: 38-ĐGDA

39. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề án khoa học cấp tỉnh: 39-ĐGĐA

40. Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 40-KPĐG

41. Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 41-THKP

42. Biên bản họp hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 42-BBHĐXD

43. Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dự án cấp tỉnh): Mẫu 43-PNXĐTCN

44. Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học cấp tỉnh): Mẫu 44-PNXĐTXH

45. Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dự án cấp tỉnh): Mẫu 45-ĐGĐTCN

46. Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học cấp tỉnh): Mẫu 46-ĐGĐTXH

47. Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 47-KQĐG

48. Biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 48-BBHĐĐG

49. Mẫu báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Mẫu 49-BCNVKHCN

**Mẫu 01-ĐXNV**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ):*
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...):*
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ...)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm hoặc dự án khoa học công nghệ):

9.1 Xuất xứ hình thành:

*(Nếu là dự án sản xuất thử nghiệm cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học công nghệ; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài. Nếu là dự án khoa học công nghệ cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án khoa học và công nghệ, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất...)*

*……………..., ngày ... tháng... năm 20…*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
| Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.* | |

**Mẫu 02-ĐXĐH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN SỞ, NGÀNH VÀUBND HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ........*, ngày… tháng… năm 20....* |

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CẤP TỈNH**

*(Dùng cho đề tài khoa học và công nghệ hoặc đề án khoa học)*

1. Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ:
2. Lý do đề xuất: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh; tác động to lớn và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh...).*

*Lưu ý:*

* *Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy cần trích dẫn đầy đủ*
* *Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.*

1. Mục tiêu:
2. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
3. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:
4. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
5. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

Sở (Ban, Ngành và địa phương) cam kết phối hợp triển khai thực hiện và có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

|  |
| --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**Mẫu 03-ĐXĐH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ........*, ngày… tháng… năm 20....* |

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

*(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)*

1. Tên dự án sản xuất thử nghiệm:
2. Xuất xứ của dự án sản xuất thử nghiệm (*Từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả khoa học và công nghệ chuyển giao từ nước ngoài...)*
3. Lý do đề xuất *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện cấp tỉnh; nhu cầu của sản xuất đời sống và khả năng ứng dụng rộng rãi...)*

*Lưu ý:*

*- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy cần trích dẫn đầy đủ;*

*- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức, cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.*

1. Mục tiêu:
2. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
3. Nhu cầu thị trường (*Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án*)
4. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
5. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
6. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

Sở (Ban, Ngành và địa phương) cam kết phối hợp triển khai thực hiện và có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

|  |
| --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**Mẫu 04-ĐXĐH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng… năm 20…* |

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CẤP TỈNH**

*(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)*

1. Tên dự án khoa học và công nghệ:
2. Xuất xứ hình thành: *(Nêu rõ nguồn hình thành của dự án khoa học và công nghệ, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
3. Lý do đề xuất:*(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh, mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương... v.v...)*

*Lưu ý****:***

*- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy cần trích dẫn đầy đủ;*

*- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.*

1. Mục tiêu:
2. Nội dung KHCN chủ yếu *(Mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một hoặc một số đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*
3. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
4. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
5. Yêu cầu về mặt thời gian thực hiện:
6. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
7. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
8. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*
9. Dự kiến hiệu quả của dự án khoa học và công nghệ:
   1. Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(Cần làm rõ đóng góp của dự án khoa học và công nghệ đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*
   2. . Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(Tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

Sở (Ban, Ngành và địa phương) cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

|  |
| --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

**Mẫu 05-ĐXĐH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày… tháng… năm 20…* |

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CẤP TỈNH**

*(Dùng cho chương trình khoa học và công nghệ)*

1. Tên chương trình khoa học và công nghệ:
2. Căn cứ đề xuất chương trình *(Nêu rõ căn cứ pháp lý về định hướng phát triển địa phương, ngành lĩnh vực, định hướng phát triển khoa học và công nghệ trung và dài hạn và định hướng ưu tiên)*
3. Cơ sở khoa học và thực tiễn đối với việc xây dựng chương trình khoa học và công nghệ: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh, Mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương... v.v...)*

*Lưu ý:*

*- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy cần trích dẫn đầy đủ;*

*- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)*

1. Mục tiêu:
2. Nội dung khoa học công nghệ chủ yếu:
3. Kết quả dự kiến của chương trình:
4. Các chỉ tiêu cần đạt của chương trình:
5. Thời gian và kế hoạch dự kiến thực hiện:
6. Đề xuất tổ chức, cơ quan chủ trì triển khai thực hiện chương trình:
7. Năng lực của tổ chức, cơ quan tổ chức thực hiện chương trình:
8. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
9. Dự kiến tác động của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học và công nghệ trong ngành, địa phương và lĩnh vực:

Sở (Ban, Ngành và địa phương) cam kết phối hợp triển khai thực thực hiện và có phương án sử dụng các kết quả của chương trình.

|  |
| --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 8 trang giấy khổ A4.*

**Mẫu 06 - ĐĐK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  **ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a) .......................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

*(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ)*

b) .......................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

*(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)*

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(đề tài hoặc dự án sản xuất thử nghiệm hoặc đề án...)*:

..........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ:

*..........................................................................................................................................*

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có):

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

Mã số của Chương trình: ........................

**Hồ sơ gồm có:**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

2. Thuyết minh đề tài theo Mẫu 07-TMĐTCN hoặc Mẫu 08-TMĐTXH; dự án theo Mẫu 09-TMDA; đề án theo Mẫu 10-TMĐA;

3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì Mẫu 11-LLTC;

4. Kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu đã có đánh giá);

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và…..2 cá nhân đăng ký thực hiện chính Mẫu 12-LLCN;

6. Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia nước ngoài);

7. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu Mẫu 13-PHNC (nếu có);

8. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện đề tài (nếu có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

9. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Văn bản xác nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu dự kiến của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

12. Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…..tháng…..năm 20…*THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC **ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**  *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |

----------------------------------------------

2 Ghi số người đăng ký ***tham gia chính*** thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Mẫu 07-TMĐTCN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG**

**VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH [[1]](#footnote-1)1**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài** | | | | | | | | **1a** | **Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)* | |
|  | | | | | | | | |  | | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:** .......... tháng | | | | | | | | **3** | **Cấp quản lý** | |
| (Từ tháng /20.. đến tháng /20…) | | | | | | | | | Tỉnh  Cơ sở | | |
| **4** | **Tổng kinh phí thực hiện:** ........................... **triệu đồng, trong đó:** | | | | | | | | | | |
| **Nguồn** | | | | | | ***Kinh phí*** *(triệu đồng)* | | | | | |
| - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | | |  | | | | | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức | | | | | |  | | | | | |
| - Từ nguồn khác | | | | | |  | | | | | |
| **5** | | | **Phương thức khoán chi:** | | | | |  | | | |
| Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | | | | | | Khoán từng phần, trong đó: | | | |
|  | | | | | | | | - Kinh phí khoán: ………………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: ………….….triệu đồng | | | |
| **6** | **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), **Mã số:**  **Thuộc dự án khoa học và công nghệ**  **Độc lập**  **Khác** | | | | | | | | | | |
|  |
| **7** | **Lĩnh vực khoa học** | | | | | | | | | | |
|  | Tự nhiên;  Nông, lâm, ngư nghiệp;  Kỹ thuật và công nghệ;  Y dược. | | | | | | | | | | |
| **8** | **Chủ nhiệm đề tài** | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:..............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam / Nữ:  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ..............................................................................  Chức danh khoa học: ...................................................Chức vụ............................................  Điện thoại:  Tổ chức: ................................. Nhà riêng: .............................. Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:.......................................................................................................................  .................................................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| **9** | **Thư ký đề tài** | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:...............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: ..........................................  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ................................................................................  Chức danh khoa học: ........................................... Chức vụ: ............................................  Điện thoại: ………………………………………………………………………………….  Tổ chức: ............................... Nhà riêng: ............................... Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .....................................................................................................................  ...............................................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| **10** | **Tổ chức chủ trì đề tài** | | | | | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: ......................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Website: .................................................................................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ...............................................................................................  Tên cơ quan chủ quản đề tài: .................................................................................................. | | | | | | | | | | | |
| **11** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)* | | | | | | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : .......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: .............................................................................................................................   1. **Tổ chức 2** : ......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản .........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: ............................................................................................................................ | | | | | | | | | | | |
| **12** | | **Các cán bộ thực hiện đề tài** | | | | | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | **Họ và tên,**  **học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | | **Nội dung,**  **công việc chính tham gia** | | | | **Thời gian làm việc cho đề tài** (Số tháng quy đổi[[2]](#footnote-2)2) |
| 1 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 2 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 3 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 4 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 5 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 6 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 7 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 8 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 9 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 10 | | | |  |  | |  | | | |  |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **13** | | **Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **14** | | | **Tình trạng đề tài**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
|  | | |
| **15** | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài** | | | | | |
| **15.1 *Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  **Ngoài nước**(*Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ khoa học và công nghệ của những kết quả nghiên cứu đó*) | | | | | | | |
| **Trong nước** *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả khoa học và công nghệ liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)* | | | | | | | |
| ***15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài***  (*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ khoa học và công nghệ trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu*) | | | | | | | |
| **16** | | ***Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan*** | | | | | |
| *(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*.  ….....................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **17** | **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện** | | | | | | |
| *(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới , những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và gải pháp khắc phục – nếu có).*    Nội dung 1: ........................................................................................................................  ...........................................................................................................................................  ............................................................................................................................................  Nội dung 2: ......................................................................................................................  .........................................................................................................................................  .........................................................................................................................................  Nội dung 3:......................................................................................................................  ...........................................................................................................................................  .......................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **18** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)*  ***Cách tiếp cận***:  ……………………………………………………………………………………………….  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: .........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ***Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:***  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | |
| **19** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước** | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có*). | | | | | | | |
| **20** | **Phương án hợp tác quốc tế** *(nếu có)* | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài )* | | | | | | | |
| **21** | | **Tiến độ thực hiện** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** (bắt đầu,  kết thúc) | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | | *(2)* | | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
|  | | - Công việc 1 | |  |  |  |  |
|  | | - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| **2** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
|  | | -Công việc 1 | |  |  |  |  |
|  | | -Công việc 2 | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12*

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **22** | | **Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng I:** Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác; | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | | | | **Đơn vị đo** | | **Mức chất lượng** | | | | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** | |
| **Cần đạt** | | **Mẫu tương tự**  (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | | |
| **Trong nước** | | **Thế giới** | |
| *(1)* | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | *(4)* | | *(5)* | | *(6)* | | *(7)* | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
| **22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | | | | | *(4)* |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
| **Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | **Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản) | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | *(2)* | *(3)* | | | | | | | *(4)* | | | | *(5)* |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
| **22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  .......................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | **Cấp đào tạo** | | | | **Số lượng** | | | | **Chuyên ngành đào tạo** | | | | **Ghi chú** | | |
| *(1)* | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | *(4)* | | | | *(5)* | | |
|  | | | | **Thạc sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
|  | | | | **Tiến sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
| **22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **23** | **Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **23.1. Khả năng về thị trường***(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  **23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  **23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu**  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  **23.4. Mô tả phương thức chuyển giao**  *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra…)* .......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **24** | | | **Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài** | | | | | | | | | | | | | | | |
| .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **25** | **Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan***  *(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ***25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu***  ......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ***25.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường***  *(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*  .......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

# V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ (Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **26** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất\*:  - Năm thứ hai\*:  - Năm thứ ba\*: |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn tự có của cơ quan |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

*(\*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt*

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm đề tài**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì đề tài** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan chủ trì3***(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Sở Khoa học và Công nghệ An Giang4**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**----------------------------**

*3,4 Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

**Phụ lục**

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)* **Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
|  |  |  |  |  |  | Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |  |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* |
| 1 | Nguyên, vật liệu  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Than |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Điện | kW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Mua sách, tài liệu, số liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*Khoản 3. Thiết bị, máy móc

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **I** | ***Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài[[3]](#footnote-3)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | ***Thiết bị, công nghệ mua mới*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | ***Khấu hao thiết bị****[[4]](#footnote-4)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | ***Thuê thiết bị*** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 5. Chi khác

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| ***1*** | ***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí kiểm tra nội bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu trung gian |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu nội bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Mẫu 08-TMĐTXH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**THUYẾT MINH[[5]](#footnote-5)1**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài:** | | | | **1a. Mã số của đề tài:** *(đư­ợc cấp khi hồ sơ trúng tuyển)* | |
| **2** | **Loại đề tài:**   * **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:** * **Độc lập** * **Khác** | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: … * Từ nguồn tự có của tổ chức * Từ nguồn khác: … | | | | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ....................................  Học hàm, học vị:........................................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................................Chức vụ:.......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Nhà riêng: ......................Mobile:............................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.........................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **7** | **Thư ký đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: .....................................  Học hàm, học vị: ........................................................................................................................  Chức danh khoa học: .................................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ...............................Nhà riêng: ...................Mobile: ............................  Fax: ........................................................... E-mail: ..................................................................  Tên tổ chức đang công tác: .......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: ..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề tài [[6]](#footnote-6)2:** | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. .....  Số tài khoản: ...................................................................................................................... .....  Ngân hàng: ......................................................................................................................... .....  Cơ quan chủ quản đề tài: .................................................................................................. ....... | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:** (nếu có) | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : ................................................................................................... ......................   Cơ quan chủ quản ......................................................................................................... ...........  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ....  Địa chỉ: .................................................................................................................................. ...  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................ ...  Số tài khoản: .......................................................................................................................... ...  Ngân hàng: ................................................................................................................. .............   1. **Tổ chức 2** : ..................................................................................................................... ....   Cơ quan chủ quản .............................................................................................................. .....  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ...  Địa chỉ: ................................................................................................................................ .....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................................. .......  Số tài khoản: ....................................................................................................................... ......  Ngân hàng: ................................................................................................................................ | | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề tài:** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề tài**  *(Số tháng quy đổi[[7]](#footnote-7))* |
| 1 |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  | | |  |
| 3 |  |  |  | | |  |
| 4 |  |  |  | | |  |
| 5 |  |  |  | | |  |
| 6 |  |  |  | | |  |
| 7 |  |  |  | | |  |
| 8 |  |  |  | | |  |
| 9 |  |  |  | | |  |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | | **Mục tiêu của đề tài:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **12** | | | **Tình trạng đề tài:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
| **13** | | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | |
| **13.1. T*ổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*) | | | | | | | |
| ***13.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài*) | | | | | | | |
| **14** | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | | |
| (*Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*) | | | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)*  Nội dung 1:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................  Nội dung 2:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................  Nội dung 3:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. ..................................................................................................... | | | | | | | |
| **16** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | |
| *(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)* | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***: ..................................................................................................................................................  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ......................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | |
| *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]* | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)* | | | | | | | |
| **20** | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| .......... | |  |  |  |  |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
|  | | ...... | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **21.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
| **21.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
| **22** | **Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | |
| **22.1 Lợi ích của đề tài:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  *b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  **22.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  ................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................. | | | | | |

# IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

# *(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất\*:  - Năm thứ hai\*:  ......... |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

*(\*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | *Ngày……tháng …… năm 20…* |
| **Chủ nhiệm đề tài** *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì đề tài** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | *Ngày……tháng …… năm 20…* |
| **Cơ quan chủ trì[[8]](#footnote-8)***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | **Sở Khoa học và Công nghệ An Giang[[9]](#footnote-9)***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  *Nội dung 1*  *Nội dung 2*  *Nội dung 3...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác**  *Trong đó:*  *- Công tác trong nước* (địa điểm, thời gian)  *- Hợp tác quốc tế (*nước, số người*)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách sự nghiệp khoa học** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu**  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách sự nghiệp khoa học** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai \* | Năm thứ ba \* |
| *1* | *2* |  | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| **1** | **Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài**(chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| **Ngân sách sự nghiệp khoa học** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba \* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

***\**** *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản 5. Chi khác | | | | | | *Đơn vị tính: Triệu đồng* | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | | **Khác** | |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 | |
| **1** | **Công tác trong nước**(địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **2** | **Hợp tác quốc tế** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **3** | **Kinh phí quản lý**(của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí kiểm tra nội bộ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi nghiệm thu trung gian |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí nghiệm thu nội bộ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **5** | **Chi khác** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Khác |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **6** | **Phụ cấp chủ nhiệm đề tài** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **7** | **……..** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |

***\**** *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Mẫu 09-TMDA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**THUYẾT MINH**

**DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên dự án** | | | | | | | | | **1a** | **Mã số** *(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển*: | | |
|  | | | | | | | | | |  | | | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:** .......... **tháng** | | | | | | | **3** | **Cấp quản lý** | | | | |
| (Từ tháng ....../20.... đến tháng ....../20....) | | | | | | | | Cơ sở  Tỉnh | | | | | |
| **4** | **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có) | | | | | | | | | | | | |
|  | **Thuộc dự án KH&CN** | | | | | | | | | | | | |
|  | **Dự án độc lập** | | | | | | | | | | | | |
| **5** | **Tổng vốn thực hiện dự án:** ...................... **triệu đồng, trong đó:** | | | | | | | | | | | | |
| **Nguồn** | | | | | | | **Kinh phí***(triệu đồng)* | | | | | |  |
| - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | | | |  | | | | | |  |
| - Vốn tự có của tổ chức chủ trì | | | | | | |  | | | | | |  |
| - Khác (liên doanh...) | | | | | | |  | | | | | |  |
| **6** | **Phương thức khoán chi:** | | | | | | | | | | | | |
| Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | | | | Khoán từng phần, trong đó: | | | | | | | |
|  | | | | | | - Kinh phí khoán: …………triệu đồng  - Kinh phí không khoán:…………triệu đồng | | | | | | | |
| **7** | **Chủ nhiệm dự án** | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam / Nữ:  Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn: ..............................................................................  Chức danh khoa học: ................................................. Chức vụ: ...........................................  Điện thoại: Tổ chức: ......................... Nhà riêng: ......................... Mobile: ...........................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .....................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **8** | **Thư ký Dự án** | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................  Năm sinh: ............................................... ........ ........ Giới tính: Nam / Nữ  Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn: .............................................................................  Chức danh khoa học: ............................................................................................................  Chức vụ: ................................................................................................................................  Điện thoại: Tổ chức: ......................... Nhà riêng: ......................... Mobile: ...........................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .....................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **9** | **Tổ chức chủ trì thực hiện dự án** | | | | | | | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì dự án: ..................................................................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: .......................................................................................................................................  Website: .....................................................................................................................................  Địa chỉ: ......................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ...................................................................................................  Số tài khoản: ..............................................................................................................................  Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ...............................................................................................  Tên cơ quan chủ quản dự án: .................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | |
| **10** | **Tổ chức tham gia chính** | | | | | | | | | | | | |
| ***10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ***  Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: ............................................................................  ...................................................................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: .........................................................Website: ..........................................................  Địa chỉ: .......................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ....................................................................................................  Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: ............................................................  ***10.2. Tổ chức khác***  Tên tổ chức: ...............................................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: ............................................Website: ............................................................................  Địa chỉ: .......................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **11** | | **Cán bộ thực hiện Dự án** | | | | | | | | | | | |
| *(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Họ và tên** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | | | | | **Thời gian làm việc cho dự án** (Số tháng quy đổi[[10]](#footnote-10)) | |
| 1 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 2 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 3 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 4 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 5 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 6 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 7 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 8 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 9 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 10 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| **12** | **Xuất xứ** | | | | | | | | | | | | |
| [Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:  - Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);*  - Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);*  - Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);  - Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | |
| **13** | **Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án** | | | | | | | | | | | | |
| ***13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án*** *(Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án*** *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng*** *(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................  ***13.4. Năng lực thực hiện dự án*** *(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án*** *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

|  |  |
| --- | --- |
| **14** | **Mục tiêu** |
| ***14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất[[11]](#footnote-11) hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra*** *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm*** *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |
| **15** | **Nội dung** |
| ***15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án***  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ*** *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm)*;  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.***  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |

|  |  |
| --- | --- |
| **16** | **Phương án triển khai** |
| ***16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:***  *a) Phương thức tổ chức thực hiện:*  (- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;  - Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  *b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:*  - Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;  - Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;......);  - Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);  - Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).  - Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................ | |
| ***16.2. Phương án tài chính*** *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)* trên cơ sở:  - Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);  - Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);  - Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).  - Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.  ***Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)***  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |
| ***16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án*** *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*  - Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);  - Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);  - Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;  - Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |
| **17** | **Sản phẩm của Dự án** |
| [Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |
| **18** | **Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc** |
| ***18.1. Phương thức triển khai*** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***18.2. Quy mô sản xuất*** (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ***18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất.***  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

**\* Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

**\* Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

**\* Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1.Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nguồn vốn | **Tổng cộng** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Vốn cố định** | | **Kinh phí hỗ trợ công nghệ** | **Vốn lưu động** | | | |
| **Thiết bị, máy móc mua mới** | **Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** | **Chi phí lao động** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | **Thuê thiết bị, nhà xưởng** | **Khác** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| ***1*** | ***Ngân sách SNKH:***  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Các nguồn vốn khác***  2.1 Vốn tự có của  cơ sở:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba:  2.2 Khác (vốn huy động, ...)  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm** (Trong thời gian thực hiện Dự án)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Tổng số chi phí** *(1.000 đ)* | **Trong đó theo sản phẩm** | | | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **A** | **Chi phí trực tiếp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì |  |  |  |  | Phụ lục 1 |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 3 | Chi phí lao động |  |  |  |  | Phụ lục 6 |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 5 | Chi phí quản lý |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| **B** | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định** |  |  |  |  |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án  - Khấu hao thiết bị cũ  - Khấu hao thiết bị mới |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án  - Khấu hao nhà xưởng cũ  - Khấu hao nhà xưởng mới |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 8 | Thuê thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 9 | Thuê nhà xưởng |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  | Phụ lục 4 |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí,...) |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B): | |  |  |  |  |  |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:*  tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

*- Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**(Cho thời gian thực hiện dự án)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Giá bán dự kiến**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án** (cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thành tiền** *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* |
| 1 | Tổng vốn đầu tư cho Dự án |  |
| 2 | Tổng chi phí, trong một năm |  |
| 3 | Tổng doanh thu, trong một năm |  |
| 4 | Lãi gộp (3) - (2) |  |
| 5 | Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí) |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm |  |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính) |  |
| 8 | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính) |  |
| 9 | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính) |  |

**Chú thích :**

- Tổng vốnđầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

**Thời gian thu hồi vốn T** =  =  = ..... **năm**

**Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** =  x 100 =x 100 = ..... **%**;

**Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** =  x 100 =x 100 = ..... **%**;

|  |  |
| --- | --- |
| **19** | **Hiệu quả kinh tế - xã hội** |
| (Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....) ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................ | |

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án** *(Họ, tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án** *(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)* |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Cơ quan chủ trì[[12]](#footnote-12)***(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Sở Khoa học và Công nghệ An Giang5**  *(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Phụ lục-TMDA**

# DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

# *(Theo nội dung chi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt***

**Phụ lục 1-TMDA**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | Nguyên, vật liệu chủ yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Nguyên, vật liệu phụ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Phụ lục 2-TMDA**

**NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | ***Về điện :*** | *kW/h* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Điện sản xuất:  Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | ***Về nước:*** | *m3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ***Về xăng dầu :*** | *Lít* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho thiết bị sản xuất .............. tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho phương tiện vận tải ......... tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Phụ lục 3a-TMDA

**YÊU CẦU VỀ** **THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A. Thiết bị hiện có** *(tính giá trị còn lại)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| I | **Thiết bị công nghệ** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| II | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

Phụ lục 3b-TMDA

**YÊU CẦU VỀ** **THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Mua bằng sáng chế, bản quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Mua phần mềm máy tính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* |  | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 4-TMDA**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Chi phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **A** |  | **Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | - Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | - Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | .......... |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  | **Chi phí đào tạo công nghệ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Cán bộ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Công nhân vận hành |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ......... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 5-TMDA**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A.Nhà xưởng đã có** (giá trị còn lại)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng A:** |  |  |  |  |

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** *Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| 1 |  | Xây dựng nhà xưởng mới |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Chi phí sửa chữa cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống điện |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng B:** |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 6-TMDA**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Số người** | **Số tháng** | **Chi phí**  **tr. đ/ người/**  **tháng** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Chủ nhiệm Dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Kỹ sư |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Nhân viên kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 7-TMDA**

**CHI KHÁC CHO DỰ ÁN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục chi | Nội dung | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 |  | **Công tác phí**  - Trong nước  - Ngoài nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | **Quản lý phí**  - Quản lý hành chính thực hiện dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | **Sửa chữa, bảo trì thiết bị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu: - Chi phí kiểm tra trung gian  - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | **Chi khác:**  - Hội thảo, hội nghị,  - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,  - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm  - Báo cáo tổng kết,  - In ấn,  - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Phụ lục 8-TMDA**

**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | Tháng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | . . . |
| 1 | Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hoàn thiện công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chế tạo, mua thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đào tạo công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Sản xuất thử nghiệm (các đợt) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thử nghiệm mẫu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Hiệu chỉnh công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Đánh giá nghiệm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 9-TMDA**

**VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG**

**I.Nhu cầu thị trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*** | | | **Chú thích** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II*.* Phương án sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng sản xuất trong năm:** | | | **Tổng số** | **Cơ sở tiêu thụ** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm và  chỉ tiêu chất lượng chủ yếu** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Ghi chú** |
| **Cần đạt** | **Tương tự mẫu** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu 10-TMĐA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**THUYẾT MINH[[13]](#footnote-13)1**

**ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề án:** | | | | **1a. Mã số của đề án:** *(đư­ợc cấp khi hồ sơ trúng tuyển)* | |
| **2** | **Loại đề án:**   * **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:** * **Độc lập** * **Khác** (ghi rõ tên) | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: … * Từ nguồn tự có của tổ chức * Từ nguồn khác: … | | | | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề án:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ....................................  Học hàm, học vị:........................................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................................Chức vụ:.......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Nhà riêng: ......................Mobile:............................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.........................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **7** | **Thư ký đề án:** | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: .....................................  Học hàm, học vị: ........................................................................................................................  Chức danh khoa học: .................................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ...............................Nhà riêng: ...................Mobile: ............................  Fax: ........................................................... E-mail: ..................................................................  Tên tổ chức đang công tác: .......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: ..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề án [[14]](#footnote-14)2:** | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề án: ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. .....  Số tài khoản: ...................................................................................................................... .....  Ngân hàng: ......................................................................................................................... .....  Cơ quan chủ quản đề án: .................................................................................................. ....... | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án:** (nếu có) | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : ................................................................................................... ......................   Cơ quan chủ quản ......................................................................................................... ...........  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ....  Địa chỉ: .................................................................................................................................. ...  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................ ...  Số tài khoản: .......................................................................................................................... ...  Ngân hàng: ................................................................................................................. .............   1. **Tổ chức 2** : ..................................................................................................................... ....   Cơ quan chủ quản .............................................................................................................. .....  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ...  Địa chỉ: ................................................................................................................................ .....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................................. .......  Số tài khoản: ....................................................................................................................... ......  Ngân hàng: ............................................................................................................................ .  3. **Tổ chức** ....... | | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề án:** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề án. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề án**  *(Số tháng quy đổi[[15]](#footnote-15))* |
| 1 |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  | | |  |
| 3 |  |  |  | | |  |
| 4 |  |  |  | | |  |
| 5 |  |  |  | | |  |
| 6 |  |  |  | | |  |
| 7 |  |  |  | | |  |
| 8 |  |  |  | | |  |
| 9 |  |  |  | | |  |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | | **Mục tiêu của đề án:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **12** | | | **Tình trạng đề án:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
| **13** | | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | |
| **13.1. T*ổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề án*) | | | | | | | |
| ***13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án*) | | | | | | | |
| **14** | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | | |
| (*tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*) | | | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)*  Nội dung 1:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................    Nội dung 2:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................    Nội dung 3:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. ..................................................................................................... | | | | | | | |
| **16** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | | | |
| *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề án)* | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Đào tào, tập huấn phục vụ đề án * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***: ..................................................................................................................................................  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ......................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | |
| *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề án (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề án; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]* | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)* | | | | | | | |
| **20** | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| .......... | |  |  |  |  |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
|  | | ...... | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Sản phẩm chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **21.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học của đề án (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); dự thảo cơ chế chính sách; kết quả dự báo; mô hình; quy trình, quy phạm; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
| **21.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
| **22** | **Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | |
| **22.1 Lợi ích của đề án:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  *b) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề án, đào tạo sau đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  **22.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  ................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................. | | | | | |

# IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

# *(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi:** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất\*:  - Năm thứ hai\*:  ......... |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

*(\*): Chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | *Ngày……tháng …… năm 20…* |
| **Chủ nhiệm đề án** *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì đề án** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | *Ngày……tháng …… năm 20…* |
| **Cơ quan chủ trì đề án[[16]](#footnote-16)***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | **Sở Khoa học và Công nghệ An Giang[[17]](#footnote-17)***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  *Nội dung 1*  *Nội dung 2*  *Nội dung 3...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác**  *Trong đó:*  *- Công tác trong nước* (địa điểm, thời gian)  *- Hợp tác quốc tế (*nước, số người*)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

### 

### Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu**  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách sự nghiệp nông nghiệp** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai \* | Năm thứ ba \* |
| *1* | *2* |  | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| **1** | **Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề án**(chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

### *\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba \* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

***\**** *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản 5. Chi khác | | | | | | *Đơn vị tính: Triệu đồng* | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | | **Khác** | |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 | |
| **1** | **Công tác trong nước**(địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **2** | **Hợp tác quốc tế** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **3** | **Kinh phí quản lý**(của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí kiểm tra nội bộ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi nghiệm thu trung gian |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí nghiệm thu nội bộ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề án |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **5** | **Chi khác** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Khác |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **6** | **Phụ cấp chủ nhiệm đề án** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **7** | **……..** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |

***\**** *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm)*

**Mẫu 11-LLTC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[[18]](#footnote-18)**

**CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Tên tổ chức:**  Năm thành lập: Địa chỉ:  Website:  Điện thoại: Fax:  E-mail: | | | |
| **2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ.** | | | |
| 1. **Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức** | | | |
| ***TT*** | ***Cán bộ có trình độ***  ***đại học trở lên*** | ***Tổng số*** | |
| 1 | Tiến sỹ |  |  |
| 2 | Thạc sỹ |  |  |
| 3 | Đại học |  |  |
| **4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ** | | | |
| ***TT*** | ***Cán bộ có trình độ***  ***đại học trở lên*** | ***Số trực tiếp tham gia thực hiện***  ***nhiệm vụ*** | |
| 1 | Tiến sỹ |  |  |
| 2 | Thạc sỹ |  |  |
| 3 | Đại học |  |  |
| **5**. ***Kinh nghiệm và thành tựu khoa học và công nghệ trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây*** *(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh khác, ...)* | | | |
| **6**. ***Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ***:  - Nhà xưởng:  - Trang thiết bị chủ yếu: | | | |
| **7**. ***Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học) cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký.***   * Vốn tự có: ..................... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).*** * Nguồn vốn khác: ..................... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).*** | | | |

*............, ngày ...... tháng ...... năm 20...*

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**

*(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)*

Mẫu 12-LLCN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

LÝ LỊCH KHOA HỌC

**CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH[[19]](#footnote-19)**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ[[20]](#footnote-20):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Họ và tên**: | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** Năm sinh:  **3.** Nam/Nữ: | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.** Học hàm: Năm được phong học hàm:  Học vị: Năm đạt học vị: | | | | | | | | | | | | | | |
| **5.** Chức danh nghiên cứu:  Chức vụ: | | | | | | | | | | | | | | |
| **6.** Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | | | | | | | | |
| **7.** Điện thoại:CQ: ; NR: ; Mobile:  **8.** Fax: E-mail: | | | | | | | | | | | | | | |
| **9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm**:  Tên tổ chức :  Tên người Lãnh đạo:  Điện thoại người Lãnh đạo:  Địa chỉ tổ chức: | | | | | | | | | | | | | | |
| 10. Quá trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
| Bậc đào tạo | | | | Nơi đào tạo | | | | Chuyên môn | | | | | Năm tốt nghiệp | |
| Đại học | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Thạc sỹ | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Tiến sỹ | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Thực tập sinh khoa học | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| 11. Quá trình công tác | | | | | | | | | | | | | |
| Thời gian(*Từ năm ... đến năm...*) | | | Vị trí công tác | | Tổ chức công tác | | | | Địa chỉ Tổ chức | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
| **12. Các công trình công bố chủ yếu**  *(Liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký trong 5 năm gần nhất)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tên công trình  (*bài báo, công trình...*) | | Là tác giả hoặc  là đồng tác giả  công trình | | | Nơi công bố  (*tên tạp chí đã đăng công trình*) | | | | | | Năm công bố |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
| 13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp…  *(Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tên và nội dung văn bằng | | | | | | Năm cấp văn bằng | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
| 14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn  *(Liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | Tên công trình | | | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | | | | | | Thời gian  (*bắt đầu - kết thúc*) | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
| **15. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**  *(Trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |
| *Tên đề tài/đề án,*  *dự án,nhiệm vụ khác*  *đã chủ trì* | | | | *Thời gian*  (bắt đầu - kết thúc) | | | *Thuộc Chương trình*  (nếu có) | | | | | *Tình trạng đề tài*  (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
| *Tên đề tài/đề án,*  *dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia* | | | | *Thời gian*  (bắt đầu - kết thúc) | | | *Thuộc Chương trình*  (nếu có) | | | | | *Tình trạng đề tài*  (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
| **16. Giải thưởng**  *(Về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Hình thức và nội dung giải thưởng | | | | | | Năm tặng thưởng | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
| 17. Thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh khác  *(Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |

*............, ngày ....... tháng ....... năm 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN[[21]](#footnote-21)  (*Xác nhận và đóng dấu*)  Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà …... chủ trì (tham gia) thực hiện  đề tài/đề án, dự án | CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN (*Họ, tên và chữ ký*) |

**Mẫu 13-PHNC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU[[22]](#footnote-22)**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

**1. Tên đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ... . . . .. . . . . .. . . .. . . . .. . . . .. .. .. . .. . . .. . . . . . .. . . .. .

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có):

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Mã số của Chương trình: ..........................................................

Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . …………..

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án SXTN

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Địa chỉ . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Điện thoại . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**4. Nội dung công việc tham gia** trong đề tài, đề án, dự án (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Sở hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm.

*......................., ngày ….tháng … năm 20….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁ NHÂNĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM *(Họ, tên và chữ ký)* |  | THỦ TRƯỞNGTỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| THỦ TRƯỞNGTỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

**Mẫu 14-BBMHS**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHK&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ………, ngày tháng năm 20... |

# BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ

**ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

1. TÊN NHIỆM VỤ KH&CN:

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

3. Địa điểm và thời gian

......................................., ngày ......./..... /20...

4. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Tên cơ quan, tổ chức* | *Họ và tên đại biểu* |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

*5. Tình trạng của các hồ sơ*

**-** Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: ...... hồ sơ.

- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: ..../.... (tổng số hồ sơ đăng ký).

**-** Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *TT* | *Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp* | *Tình trạng Hồ sơ* | | | | | | |
| *Nộp*  *đúng hạn1* | *Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký2* | *Tư cách pháp nhân* | *Có nhiệm vụ cấp Tỉnh4* | | | |
| *Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu) 3* | *Nợ thu hồi DA SXTN, DA CGCN5* | *Bị đình chỉ do sai phạm hoặc không ứng dụng kết quả theo HĐ6* | *Hết thời hạn hợp đồng quá 30 ngày chưa nghiệm thu7* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Kết luận:Như vậy, trong số .........hồ sơ đăng ký, có ........ hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Tên tổ chức, cá nhân*  *đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN[[23]](#footnote-23)* | *Ghi chú* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
|  |  |  |

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào …..giờ…..phút, ngày .…/…../20….

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN HOẶC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 15-BBTĐĐT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**  **TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập Tự do- Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

# ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP TỈNH

**A. Thông tin chung**

**1. Tên đề tài/đề án**: .............................................................................................................................................................................................................................................................................

Mã số …………………*(nếu có)*

**Thuộc:** - Chương trình cấp tỉnh:

- Độc lập:

- Dự án KH&CN:

- Khác:

**2. Cơ quan chủ trì:**

**3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:**

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:………………………………………………..

- Thời gian:……giờ, ngày……..tháng……năm………….

**5**. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên: ……/…..

Vắng mặt: người; Họ và tên: ……………………………………

**6.** Đại biểu tham dự:

**B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định:** *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)*

**C. Kết luận của Tổ thẩm định**

***1. Nội dung chuyên môn:***

1.1. Mục tiêu chính của đề tài/đề án *(Ghi cụ thể)*:

1.2 Các nội dung nghiên cứu chính *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

c. Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

d. Thiết bị, máy móc *(Thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu kĩ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm (G*hi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:…. tháng:

***2. Về kinh phí thực hiện:***

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: .................... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: .................................. *triệu đồng*

*(Bằng chữ: .................................................................................. đồng)*

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ........................... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung**  **Các khoản chi** | **Kinh phí NSNN** | | | ***Ghi chú*** |
| **Kinh phí** | | **Tỷ lệ**  *( %)* |
| 1 | Trả công lao động  (khoa học, phổ thông) | |  |  |  |
| 2 | Nguyên vật liệu, năng lượng | |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc | |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | |  |  |  |
| 5 | Chi khác:  *Trong đó: chi đoàn ra* | |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | |  |  |

**C. Kiến nghị:**

1. Phương thức thực hiện:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: *……………… triệu đồng;*

- Kinh phí không khoán: *……….triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc…….giờ, ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thư ký** | | **Tổ trưởng** | |
|  | **Thành viên** | | **Thành viên** |

**Mẫu 16-BBTĐDA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**  **TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

# DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH

**A. Thông tin chung**

**1. Tên dự án SXTN**: ...................................................................................................

......................................................................................................................................

Mã số …………………*(nếu có)*

**Thuộc:** - Chương trình cấp tỉnh:

- Độc lập:

- Dự án KH&CN:

- Khác:

**2. Cơ quan chủ trì:**

**3. Chủ nhiệm dự án:**

**4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:**

- Địa điểm:………………………………………………..

- Thời gian:……giờ, ngày……..tháng……năm………….

**5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:** ……/…..

Vắng mặt: người; Họ và tên: ……………………………………

**6. Đại biểu tham dự:**

**B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định:** *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định).*

**C. Kết luận của Tổ thẩm định**

***1. Nội dung chuyên môn:***

1.1. Mục tiêu của dự án *(Ghi cụ thể)*:

1.2 Các nội dung nghiên cứu mới, nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

c. Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

d. Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng đối với sản phẩm (*Ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:…. tháng:

***2. Về kinh phí thực hiện:***

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: .................... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: .................................. *triệu đồng*

*(Bằng chữ: .................................................................................. đồng)*

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ........................... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung**  **Các khoản chi** | **Kinh phí NSNN** | | | ***Ghi chú*** |
| **Kinh phí** | | **Tỷ lệ**  *( %)* |
| 1 | Thiết bị, máy móc | |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo | |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động | |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu năng lượng | |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng | |  |  |  |
| 7 | Chi khác | |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | |  |  |

**C. Kiến nghị:**

**1. Phương thức thực hiện:**

Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

Khoán chi từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: *……………… triệu đồng;*

- Kinh phí không khoán: *……….triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc…….giờ, ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thư ký** | | **Tổ trưởng** | | |
|  | **Thành viên** | | **Thành viên** |

**Mẫu 17-BCTĐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ............., ngày ……tháng ….. năm 20..... |

**BÁO CÁO NỘI DUNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

*(Phục vụ kiểm tra, đánh giá)*

**Nơi nhận báo cáo:**

1. Đơn vị quản lý nhiệm vụ:……………………………………..

2. Đơn vị quản lý kinh phí:………………………………………

3. Đơn vị quản lý chuyên môn:………………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | **Tên nhiệm vụ:**  .......................................................................................................... .......................................................................................................... ..........................................................................................................  Mã số: .............................................................................................. | | 2. | Ngày báo cáo    .../ ..../20.. | | |
|  |  |
| 2. | **Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:** ………….. | | | | | |
| 3. | **Chủ nhiệm nhiệm vụ:**.................................................................................................... | | | | | |
| 4. | **Phương thức thực hiện nhiệm vụ:**   * Khoán từng phần: * Khoán đến sản phẩm cuối cùng: | | | | | |
| 5. | **Báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện *(đến thời điểm kiểm tra, đánh giá)*** | | | | | |
|  | **Đánh giá về**  **mức chất lượng**  **nội dung nghiên cứu** | | | | |
| Theo hợp đồng | | | Thực hiện | Ghi chú |
| ***5.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch*** |  | | |  |  |
| *5.1.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  ……………………………………………………………….. |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  ………………………………………………………………..  .................................................................................................... |  | | |  |  |
| *5.1.2. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| ***5.2. Các nội dung công việc đã hoàn thành theo kế hoạch*** |  | | |  |  |
| *5.2.1. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| *5.2.2. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | |  |  |
| ***5.3.Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch*** | Lý do | | | | |
| *5.3.1. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | | | |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | | | |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | | | |
| *5.3.2. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | | | |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | | | |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ……………………………………………………………… |  | | | | |
| 6. | **Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu trong kỳ báo cáo: Đánh giá các điểm chính về: *số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và các vấn đề khác*** *(Hợp tác quốc tế, phối hợp thực hiện,..)* | | | | | |
|  | | | | | | |
| 7. | **Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới** | | | | | |
|  | | | | | | |
| 8. | **Kiến nghị** | | | | | |
|  | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* *(Họ tên, chữ ký)* | *Thủ trưởng**Tổ chức chủ trì nhiệm vụ* *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Mẫu 18-BCNTCS**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.............., ngày tháng năm*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đă hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đă được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

3.2. Hiệu quả xă hội

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√*** *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*

Giải thích lư do:...................................................................................................................................................................................

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  (*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TR̀ NHIỆM VỤ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |

**Mẫu 19-ĐNĐGNT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TR̀**  **NHIỆM VỤ**  Số:....... ./........  V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..........., ngày tháng năm 20......* |

Kính gửi: …………………………

Căn cứ Quyết định số /……. ngày tháng năm của ………

Về việc đề nghị ………………………….xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp tỉnh, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích…), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Các tài liệu khác (*nếu có*).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ *(bản gốc*) đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang *(dạng PDF, không cài đặt bảo mật)*.

Đề nghị ……………xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - …… | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

**Mẫu 20-BCHT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……, ngày tháng năm 20….* |

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN**

**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP TỈNH**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: *ngày ... /.... /201…*

Kết thúc: *ngày … /…. /201….*

**II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng cấp tỉnh:**

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp tỉnh)*

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

**III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ** (nếu có):

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên và chữ kư)* |
| **XÁC NHẬN CỦA**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **XÁC NHẬN CỦA**  **ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

**Mẫu 21-BBTLHĐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày ...... tháng ........ năm 20........*

**BIÊN BẢN THANH LÝ**

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN[[24]](#footnote-24)....................**

Số: ............................

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ .................... *(Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ này)*

Căn cứ Hợp đồng [[25]](#footnote-25)..........số...........ngày................

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A) là:** (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà ..........................................................................................................

- Chức vụ: .....................................................làm đại diện.

- Địa chỉ: .........................................................................................................

- Điện thoại: ............................... Email:......................................................

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là:** (Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm): ......................................................................................

- Do Ông/Bà: .........................................................................................................

- Chức vụ: .......................................................... làm đại diện.

- Địa chỉ: ................................................................................................................

- Điện thoại: ............................... Email:................................................................

- Số tài khoản: ........................................................................................................

- Tại: ......................................................................................................................

Cùng thoả thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng......[[26]](#footnote-26) số….....ngày .....(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành***

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “......”[[27]](#footnote-27),theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là … tháng, từ tháng… năm 20… đến tháng ... năm 20…

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ngày....tháng.....năm 20.....*(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu)*.

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại Cơ quan thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. (*Kèm theo Bản sao Biên nhận, xác nhận đã thực hiện đăng ký, giao nộp).*

4**.** Bên B đã chuyển cho Bên Acác tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số …. (*Kèm theo Danh mục liệt kê*).

5. Bên A giao cho bên B lưu giữ các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) (*Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết*)

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành****:*

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “......”,theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... (*ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có*).

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là … tháng, từ tháng… năm 20… đến tháng ... năm 20…

2. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “….” được xác nhận là không hoàn thành (*Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện*).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có (*Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết*).

**Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

***Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành:***

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là:……triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:… triệu đồng.

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành****:*

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: ….. triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là: ….. triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:….. triệu đồng

*(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);*

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:.... triệu đồng (*Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả*)

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước *(Kèm theo tài liệu xác nhận)*

**Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm** (*áp dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành và không hoàn thành*)

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (*Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ..... bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A**  (Bên đặt hàng)  (Chữ ký, ghi rõ họ và tên  và đóng dấu) | **BÊN B**  (Bên nhận đặt hàng)  (Chữ ký, ghi rõ họ và tên  và đóng dấu – nếu có) |

**Mẫu 22-PNX**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/ Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

**Tên đề tài/ dự án đề xuất:**

**I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

* 1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/ dự án

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Khả năng không trùng lắp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án

*Nhận xét:*

*Đánh giá :*Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án)

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X v**ào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**II. DỰ KIẾN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN ĐẶT HÀNG**

**Tên đề tài/ dự án:**

**Định hướng mục tiêu:**

**Yêu cầu đối với kết quả:**

*(Lưu ý:*

*Đối với đề tài ứng dụng và phá ttriển công nghệ cần nêu rõ 2 yêu cầu:*

* *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ*
* *Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm*

*Đối với dự án SXTN: các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày ... tháng ... năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 23-PNX**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

**Tên đề án đề xuất :**

**I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

* 1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**II. DỰ KIẾN ĐỀ ÁN ĐẶT HÀNG**

**Tên đề án**

**Mục tiêu**

**Yêu cầu đối với kết quả**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày … tháng … năm 20…  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 24-PNX**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

**Tên dự án KH&CN đề xuất:**

**I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

* 1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Tính khả thi thể hiện qua nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng; năng lực của tổ chức dự kiến chủ trì và phương án huy động nguồn lực của tổ chức chủ trì

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**II. DỰ KIẾN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẶT HÀNG**

**Tên dự án khoa học và công nghệ**

**Mục tiêu**

**Yêu cầu đối với kết quả:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *....., ngày ... tháng ... năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 25-PNX**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT**

**ĐẶT HÀNG CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

**Tên chương trình KH&CN đề xuất:**

**I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

* 1. Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Mục tiêu của chương trình đối với kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trung hạn và dài hạn; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc đối với mục tiêu của chương trình mục tiêu của tỉnh.

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Nội dung thực hiện chính và các kết quả tạo khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

* 1. Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**II. GÓP Ý CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN ĐỀ XUẤT**

**Tên chương trình KH&CN:**

**Mục tiêu:**

**Nội dung chính cần thực hiện:**

**Các kết quả dự kiến của chương trình:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......., ngày…tháng…năm 20…  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 26-PĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *......, ngày…tháng…năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP TỈNH**

**Tên đề tài/dự án đề xuất:**

**Đánh giá của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 2 ô)

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/dự án

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Khả năng không trùng lắp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án)

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kết luận chung:**

Đề nghị thực hiện

Đề nghị không thực hiện

**Mẫu 27-PĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……, ngày…tháng…năm 20…* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

**Tên đề án đề xuất:**

**Đánh giá của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 2 ô)

1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kết luận chung:**

Đề nghị thực hiện; Đề nghị không thực hiện

**Mẫu 28-PĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnhphúc** |
|  | *...…, ngày…tháng …năm 20…* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**Tên dự án KH&CN đề xuất :**

**Đánh giá của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô)

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của bộ, ngành địa phương và của tỉnh

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Tính khả thi thể hiện qua nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng; năng lực của tổ chức dự kiến chủ trì và phương án huy động nguồn lực của tổ chức chủ trì

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kết luận chung**

Đề nghị thực hiện; Đề nghị không thực hiện

**Mẫu 29-PĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *.....…, ngày … tháng … năm 20…* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CẤP TỈNH**

**Tên chương trình KH&CN đề xuất :**

**Đánh giá của chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Mục tiêu của chương trình đối với kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trung hạn và dài hạn; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc đối với mục tiêu của chương trình mục tiêu của tỉnh

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Nội dung thực hiện chính và các kết quả tạo khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1. Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kết luận chung**

Đề nghị thực hiện Đề nghị không thực hiện

**Mẫu 30-BBKP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ………, ngày… tháng… năm 20… |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

# NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

# Loại hình nhiệm vụ KH&CN: ………………………………………………………………………………………..

Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu: …………………………..…………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên đề xuất đặt hàng** | **Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng** | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung 1\*** | | **Nội dung 2\*** | | **Nội dung 3\*** | | **Nội dung 4\*HĐ** | | **Nội dung 5\*** | | **Kết luận chung** | |
| Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Khôngđạt | Thực hiện | Không thực hiện |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***…*** | ***……*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## Các thành viên Ban kiểm phiếu Trưởng Ban kiểm phiếu

*(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên) (Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu 31-BBHĐXĐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ...…, ngày … tháng … năm 20… |

# BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN

# CẤP TỈNH NĂM 20...

**Loại nhiệm vụ KH&CN:** *(Đề tài, dự án, đề án, dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình khoa học và công nghệ):……………………………………………………………*

***A. Những thông tin chung***

1. Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành…

..../QĐ-SKHCN ngày .../ .../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

2. Số lượng các đề xuất đặt hàng tư vấn:…………

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

..., ngày... / .../20...

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ...người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| .... | ..... | ....... |

***B. Nội dung làm việc của Hội đồng (\*)***

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và ông/bà …………………… làm thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm:

………………, Trưởng ban.

………………., thành viên,

………………., thành viên.

4. Các thành viên phản biện trình bày ý kiến đánh giá đề xuất đặt hàng.

5. Hội đồng phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với (từng) đề xuất đặt hàng.

6. Thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung trên. Tổng hợp kết quả đánh giá hội đồng trong Biên bản kiểm phiếu Mẫu 31-BBKP kèm theo.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu hội đồng thông qua kết luận trong Phụ lục kèm theo.

7. Các chuyên gia phản biện trình bày nội dung dự kiến của đề tài, dự án đặt hàng cho những đề xuất đặt hàng được đánh giá “đề nghị thực hiện”.

8. Hội đồng thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của đề tài, dự án đặt hàng và thống nhất thông qua từng mục nói trên.

9. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với đề tài, dự án (đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ.

10. Hội đồng thảo luận việc xếp thứ tự ưu tiên (trong trường hợp có 02 đề tài, dự án trở lên) và biểu quyết đối với việc xếp thứ tự ưu tiên này.

11. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học của Hội đồng**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục BBHĐXĐ**

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN

**Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ**: *(Đề tài, dự án, đề án, dự án khoa học và công nghệ hoặc Chương trình khoa học và công nghệ)*

1. **Đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện”\***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề xuất đặt hàng** | **Kết quả đánh giá của hội đồng** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … | …….. |  |  |

*\*) Đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện” khi có trên ¾ tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu*”

1. **Đề xuất đặt hang đề nghị “không thực hiện”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề xuất đặt hàng** | **Tóm tắt lý do đề nghị “không thực hiện”** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … | …….. |  |  |

**Chủ tịch Hội đồng**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu 32-NXĐTCN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC**

**VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG**

**VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá tổng quan** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu. |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** |  | | | | |
| - Các nội dung nghiên cứuphù hợpđể đạt được mục tiêu |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra |
| - Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Sản phẩm khoa học và công nghệ** |  | | | | |
| - Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng |
| - Có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ |
| - Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước |
| - Đào tạo sau đại học |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động** |  | | | | |
| **-** Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra. |
| - Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu. |
| - Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Tính khả thi** |  | | | | |
| **-** Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp |
| - Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch |
| - Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 33-NXĐTXH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC**

**VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài** |  | | | | |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** |  | | | | |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** |  | | | | |
| **-** Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả** |  | | | | |
| **-** Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 34-NXDA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên dự án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí nhận xét** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** |  | | | | |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** |  | | | | |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Giá trị của công nghệ** |  | | | | |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Lợi ích của dự án** |  | | | | |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ. |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Phương án tài chính** |  | | | | |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực thực hiện** |  | | | | |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 35-NXĐA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Đánh giá tổng quan** |  | | | | |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** |  | | | | |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** |  | | | | |
| **-** Cách tiếp cận đề án |
| - Phương pháp nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả** |  | | | | |
| **-** Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 36-ĐGĐTCN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá tổng quan** |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* | 1 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước | 1 |
| **2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Các nội dung nghiên cứuphù hợpđể đạt được mục tiêu | 3 |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra | 2 |
| - Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu | 1 |
| **3. Sản phẩm khoa học và công nghệ** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng | 1 |
| - Khả thi khi đăng ký sở hữu trí tuệ | 1 |
| - Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước | 1 |
| - Đào đạo sau đại học | 1 |
| **4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra. | 1 |
| - Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu. | 1 |
| - Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài. | 2 |
| **5. Tính khả thi** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp | 1 |
| - Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch | 1 |
| - Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài | 2 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Mẫu 37-ĐGĐTXH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài** |  | | | | |  |  |  | 4 |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu | 1 |
| **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. | 2 |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài | 2 |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu | 2 |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu | 2 |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước | 1 |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu | 1 |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** |  | | | | |  |  |  | 12 |
| **-** Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu | 1 |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu | 2 |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| **-** Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu | 3 |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) | 3 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Mẫu 38-ĐGDA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên dự án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. | 1 |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. | 1 |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. | 1 |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. | 1 |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. | 2 |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. | 2 |
| **3. Giá trị của công nghệ** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. | 1 |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. | 2 |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. | 1 |
| **4. Lợi ích của dự án** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện  công nghệ. | 1 |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. | 1 |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. | 1 |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án | 1 |
| **5. Phương án tài chính** |  | | | | |  |  |  | 20 |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. | 3 |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. | 2 |
| **6. Năng lực thực hiện** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. | 2 |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. | 2 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Mẫu 39-ĐGĐA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án** |  | | | | |  |  |  | 4 |
| - Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu | 1 |
| **2. Đánh giá tổng quan** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. | 2 |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án | 2 |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu | 2 |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu | 2 |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước | 1 |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu | 1 |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** |  | | | | |  |  |  | 12 |
| **-** Cách tiếp cận đề án với đối tượng nghiên cứu | 1 |
| - Phương pháp ngiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu | 2 |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| **-** Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu | 3 |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) | 3 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Mẫu 40-KPĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC**

**CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên nhiệm vụ:** |  | |
| **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  *Tên tổ chức:*  *Họ và tên cá nhân:* | | |
|  | | |
| **1. Số phiếu phát ra:** | | **2. Số phiếu thu về:** |
| **3. Số phiếu hợp lệ:** | | **4. Số phiếu không hợp lệ:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ủy viên** | **Tiêu chí đánh giá** | | | | | | **Tổng số điểm** |
| Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 |
| 1 | Ủy viên thứ nhất |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ủy viên thứ hai |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Ủy viên thứ ba |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **......................** |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số**  **điểm trung bình** |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu**  *(Họ, tên và chữ ký)* |
| **Thành viên thứ 1**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên thứ 2**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 41-THKP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

**VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

**Tên nhiệm vụ:**

**…………………………………………………………………………………………………..**

**…………………………………………………………………………………………………..**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì** | **Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu**  *(Họ, tên và chữ ký)* |
| **Thành viên thứ 1**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên thứ 2**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 42-BBHĐXD**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,**  **GIAO TRỰC TIẾP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ………, ngày tháng năm 20... |

# BIÊN BẢN

# HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KH&CN CẤP TỈNH

**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

**A. Thông tin chung**

**1.** Tên đề tài/ dự án SXTN/đề án:

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.** Quyết định thành lập Hội đồng

.............../QĐ- ngày ...../...../20... của ..........

**3.** Địa điểm và thời gian

......................................., ngày ......./..... /20...

**4.** Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên ......./......người. Vắng mặt .......người, gồm các thành viên:

................................................................. .................................................................

**5.** Khách mời tham dự họp hội đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Họ và tên* | *Đơn vị công tác* |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**6.** Hội đồng do Ông/Bà ............................................................ là thư ký khoa học của hội đồng.

**B. Nội dung làm việc của hội đồng** *(ghi chép của thư ký khoa học):*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

*.....................................................................................................................................*

**C. Bỏ phiếu đánh giá**

**1.** Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: ......................................................

- Hai thành viên: ......................................................

......................................................

**2.** Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

**3**. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

*Tên tổ chức: ............................................................................................................*

*Họ và tên cá nhân: .................................................................................................*

**D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng** *(kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)*

**1.** Kiến nghị phương thức khoán chi:

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng*

*1.2 Khoán chi từng phần*

**2.** Kiến nghị những nội dung cần sửa đổi:

Hội đồng đề nghị ..................... xem xét và quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 43-PNXĐTCN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| …..….., ngày tháng năm 20….. |

# PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN

# NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng

và phát triển công nghệ, dự án cấp tỉnh)

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện**: |  |
| **Uỷ viên**: |  |

**1. Tên nhiệm vụ:**

#### **Mã số (nếu có):**

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia nhận xét:**

Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày ………… tháng………… năm 20…*

**3. Nhận xét:**

3.1.Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

*Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; tác động của kết quả đối với kinh tế, xã hội; mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v. Để kết luận, chuyên gia chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu.*

...............................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

3.2. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)*

3.3. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)*

3.4. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng, chuyên gia cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)*

3.5. Về tiến độ thực hiện:

*(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)*

...............................................................................................................................................................................................................

**4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

Đạt

Lý do cụ thể:

Không đạt

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

**5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết** *(bắt buộc):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHUYÊN GIA NHẬN XÉT**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 44-PNXĐTXH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| …..….., ngày tháng năm 20….. |

# PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

# KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực

khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học)

**I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên nhiệm vụ:

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì:

4. Mã số nhiệm vụ (nếu có):

2. Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày tháng năm 201

3. Họ và tên người chuyên gia nhận xét (chức danh khoa học, học vị):

**II. PHẦN NHẬN XÉT:**

*(Trình bày quan điểm và ý kiến riêng của người nhận xét theo các tiêu chí tương ứng với từng sản phẩm cụ thể)*

**1. Ý kiến nhận xét Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

a) Về thành công và hạn chế:

- Tổng quan các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ:

- Tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng vào các báo cáo khoa học của nhiệm vụ:

- Về khái niệm, thuật ngữ và văn phong trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

- Về cấu trúc nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

- Về phân tích, lập luận khoa học của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

b) Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:

**2. Ý kiến nhận xét về sản phẩm khoa học của nhiệm vụ:**

*2.1. Ý kiến nhận xét về từng sản phẩm* (*Kiến nghị khoa học; dự báo khoa học; giải pháp khoa học; đề án quy hoạch, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội; mô hình tổ chức, quản lý, phát triển xã hội; hình thức khác*):

a) Về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt đối với sản phẩm:

- Xác định tên, nội dung của sản phẩm rõ ràng, cụ thể;

- Xác định đối tượng, địa chỉ và nơi tiếp nhận rõ ràng, cụ thể;

- Có cơ sở khoa học và thực tiễn;

- Có ý nghĩa tác động đến phát triển kinh tế-xã hôi;

- Xác định rõ phương án, lộ trình về tổ chức, thực hiện.

- Có tính hiện thực và khả thi trong việc ứng dụng, chuyển giao;

b) Về giá trị khoa học; về giá trị thực tiễn của từng sản phẩm:

*2.2. Ý kiến nhận xét về từng sách khoa học xuất bản (nếu có):*

(*Về tính mới; đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học*)

*2.3 Ý kiến nhận xét về từng bài báo trên tạp chí khoa học (nếu có):*

(*Về tính mới; đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học*)

*2.4. Ý kiến nhận xét về từng kết quả đào tạo cán bộ khoa học (nếu có):*

*(Đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học*)

**3. Ý kiến nhận xét về tiến độ thực hiện nhiệm vụ:**

*(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)*

**4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*a) Về những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ:*

- Cơ sở khoa học và tính trung thực của từng kết quả nghiên cứu mới:

- Giá trị khoa học và đóng góp của kết quả nghiên cứu mới vào việc phát triển lý thuyết, lý luận hiện có:

- Giá trị thực tiễn và dự kiến triển vọng tác động xã hội từ kết quả nghiên cứu mới của nhiệm vụ:

*b) Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ:*

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại không đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây và Nêu cụ thể những nội dung đã thực hiện so với hợp đồng, những nội dung chưa thực hiện so với hợp đồng :

**5. Kiến nghị của thành viên Hội đồng:**

a) Đề nghị Hội đồng khoa học kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiệm thu các sản phẩm khoa học dưới đây:

b) Đề nghị Hội đồng khoa học đề xuất (địa chỉ) cơ quan tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ:

*(Nêu cụ thể nội dung kết quả nghiên cứu, tên sản phẩm sẽ chuyển giao đến những cơ quan, địa chỉ áp dụng cụ thể)*

**CHUYÊN GIA NHẬN XÉT**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu 45-ĐGĐTCN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 20…..* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng

và phát triển công nghệ, dự án cấp tỉnh)

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ:

- Thuộc Chương tŕnh:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

- Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày … tháng …… năm 20…*

**3. Đánh giá:**

**A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:**

Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đă hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại mục b, khoản 1, Điều 38

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

**B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng, khối lượng sản phẩm** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |  |
| … | *…..* |  |  |  |  |  |  |

**C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Chất lượng** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |  |
| … | *……* |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**D. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:**

Xuất sắc: Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng

Đạt: Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng

**E. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:**

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

**4. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* X *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc**:   Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên |  |
| * **Đạt yêu cầu***: đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau*   + Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.  + Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng th́ vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).  + Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên |  |
| * **Không đạt**: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng |  |

**5. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ kư)* |

**Mẫu 46-ĐGĐTXH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 20…..* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học)

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ:

- Thuộc Chương tŕnh:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

- Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày … tháng …… năm 20…*

**3. Đánh giá:**

**A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:**

Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đă hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại mục b, khoản 1, Điều 38

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

**B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng, khối lượng sản phẩm** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |  |
| … | *…..* |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Chất lượng** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |  |
| … | *……* |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**D. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:**

Xuất sắc: Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng

Đạt: Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng

**E. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:**

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

**4. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* X *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc**:   Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên |  |
| * **Đạt yêu cầu***: đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau*   + Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.  + Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thực hiện vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).  + Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên |  |
| * **Không đạt**: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng |  |

**5. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 47-KQĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 20…..* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ:

- Loại nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

+ Nhiệm vụ khoa học xă hội và nhân văn:

- Thuộc Chương tŕnh:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Kết quả đánh giá:**

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

| **Họ và tên**  **thành viên Hội đồng** | **Kết quả đánh giá** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| Thành viên 1 |  |  |  |  |
| …….. |  |  |  |  |
| Tổng số: |  |  |  |  |

**3. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc**: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”; |  |
| * **Không đạt**: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”. |  |
| * **Đạt yêu cầu**: Không thuộc 2 trường hợp trên |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU** | **ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU** |
| *(Họ, tên và chữ ký)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 48-BBHĐĐG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 20…..* |

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

Số: /QĐ- ngày …/…./20… của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đơn vị công tác | Họ và tên |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**II. Nội dung làm việc của HHội đồng**

Sau khi Ông/Bà ........................................đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp,

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

- Thông qua chương tŕnh làm việc của hội đồng;

- Bầu ……….. ……….. ……….. là thư kư khoa học

- Bầu .……….. ……….. ……….. là thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải tŕnh và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đă nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);

- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

5.2.Hội đồng đă trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đă nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đă được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm theo mẫu.

5.3.Hội đồng đă bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được tŕnh bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng nghiên cứu khoa học của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau *(đánh* ***√*** *vào ô tương ứng)*:

Xuất sắc  Đạt  Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại *(chọn* ***√*** *vào ô tương ứng và luận giải)*:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “xuất sắc” bởi những lư do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “đạt” bởi những lư do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “không đạt” bởi những lư do cụ thể dưới đây:

-

-

Những nội dung đă thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

b) Bộ chủ trì nhiệm vụ nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Ghi chú** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

c) Chuyển giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ........ ngày ..... tháng ..... năm....

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KƯ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ kư)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ kư)* |

###### *Mẫu 49-BCNVKHCN*

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

#### **MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Báo cáo gồm 3 phần chính: Phần đầu, phần chính, phần cuối.

I. PHẦN ĐẦU BÁO CÁO

1. Trang bìa trước

- Tên đầy đủ Cơ quan chủ quản và đơn vị chủ trì.

*(Thông tin này viết chính giữa phần trên cùng của trang, cỡ chữ 14, chữ hoa, đậm)*

- Tên báo cáo (tổng hợp hoặc tóm tắt) và tên nhiệm vụ.

*(viết chính giữa trung tâm trang bìa, cỡ chữ 16, chữ hoa, đậm)*

- Học hàm, học vị, họ tên chủ nhiệm.

*(viết góc dưới bên phải của trang, cỡ chữ 14, đậm, nghiêng)*

- Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo.

*(viết chính giữa phần cuối trang, cỡ chữ 14, nghiêng)*

2. Trang nhan đề

Danh sách những người thực hiện chính

*(Viết đầy đủ họ tên, chức vụ, học hàm, học vị và tên cơ quan công tác của chủ nhiệm và những người thực hiện chính).*

3. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

4. Bảng chú giải các chữ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ dùng trong báo cáo, ...

II. PHẦN CHÍNH BÁO CÁO

1. Lời mở đầu

Nêu ngắn gọn phạm vi, mục đích của đề tài, quan hệ của nó với các công trình nghiên cứu khác và tóm tắt các nét tiếp cận chính.

2. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các Chương có đánh số và các Chương đó phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, phương pháp, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Lý thuyết, phương pháp và kết quả trong nội dung chính của báo cáo không viết quá chi tiết, nhưng phải mô tả đầy đủ để người đọc có trình độ thích hợp trong lĩnh vực này có thể lặp lại được các bước triển khai.

Tất cả những hình và các bảng dùng để giải trình nội dung chính phải đưa vào phần chính báo cáo.

Có thể soạn thảo các đoạn bình luận riêng biệt về các khía cạnh mới của đề tài hoặc soạn thảo các nhận xét đối với các kết quả thu được và lập luận đưa đến kết luận và kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần phải phản ánh:

2.1 Mục tiêu của nhiệm vụ

*(Nhiệm vụ nhằm giải quyết mục tiêu gì - nêu mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

2.2 Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết triển khai nhiệm vụ

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

- Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan (tên công trình, tham gia, nơi và năm công bố)

- Phân tích, đánh giá cụ thể những vấn đề KH&CN còn hạn chế, tồn tại của sản phẩm, công nghệ nghiên cứu trong nước và các yếu tố, các nội dung cần đặt ra nghiên cứu, giải quyết ở đề tài này.

2.3 Cách tiếp cận

*(Nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)*

2.4 Đối tượng nghiên cứu

- Lập luận việc chọn đối tượng triển khai, cách tiếp cận và triển khai;

- Lập luận phương pháp triển khai và kỹ thuật đã sử dụng;

- Lập luận về tính mới, tính sáng tạo và hiệu quả công nghệ, kinh tế của nhiệm vụ ...

2.5 Phương pháp nghiên cứu

*(Luận cứ rõ việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; làm rõ tính mới, tính độc đáo của Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)*

2.6 Những nội dung đã thực hiện

- Ghi rõ những nội dung cụ thể đã thực hiện của nhiệm vụ, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành, trong đó trình bày đầy đủ và toàn diện quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hoá công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành;

- Số mẫu hoặc số lần thử nghiệm cần thiết để thu được kết quả tin cậy;

- Các số liệu thu được và kết quả điều tra, khảo sát, kiểm tra, đo đạc ...;

- Đánh giá sai số đo và tính đại diện của số liệu;

- Nhận xét và đánh giá những số liệu hoặc kết quả thí nghiệm /thử nghiệm thu được rút ra kết luận của từng phần triển khai ...

2.7 Tổng quát hoá và đánh giá kết quả thu được

- Đánh giá độ tin cậy của các kết quả thu được (các đặc trưng, thông số, chủ tiêu chất lượng) và so sánh chúng với các kết quả của mẫu tương tự trong và ngoài nước;

- Đánh giá tính ổn định công nghệ và sơ bộ tính toán hiệu quả so với phương án nhập công nghệ;

- Đánh giá kết quả đào tạo và nâng cao trình độ của nhiệm vụ;

- Đánh giá đầy đủ và toàn diện kết quả thu được so với đề cương Thuyết minh nhiệm vụ và nội dung đã ghi trong hợp đồng đã ký, kể cả việc chi tiêu tài chính ...

1. Kết luận và kiến nghị

Các kết luận và kiến nghị cần trình bày thành một chương riêng và không đánh số.

Trong phần kết luận phải trình bày ngắn gọn các kết quả của nhiệm vụ và rút ra các kết luận một cách rõ ràng. Cũng có thể đưa vào phần kết luận những số liệu định lượng nhưng không trình bày lập luận chi tiết.

Trong phần kiến nghị phải đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả đó, đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật do áp dụng mang lại, chỉ ra giá trị của các kết quả đã được tạo ra về mặt khoa học và công nghệ, về kinh tế - xã hội và các kiến nghị khác.

ii. Lời cảm ơn *(nếu có)*

Có thể viết lời cảm ơn đối với tổ chức và cá nhân đã giúp đỡ thiết thực và hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

iii. Tài liệu tham khảo

Sắp xếp danh mục các nguồn tài liệu và sách xuất bản đã tham khảo để tiến hành đề tài vào cuối phần chính báo cáo.

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông []

III. PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO

1. Phụ lục

Các giải thích, bảng biểu cần thiết để làm sáng tỏ và hoàn chỉnh báo cáo.

2. Bìa sau

Phía trong của trang bìa sau có thể được sử dụng viết các địa chỉ cần gửi báo cáo *(nếu cần thiết)*.

**THỐNG NHẤT HÓA TRONG BÁO CÁO**

***- Đơn vị đo lường***

Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ()

***- Kích thước báo cáo***

Báo cáo phải được in trên khổ giấy A4 (210 mm x 297 mm), cỡ chữ 14, riêng các tiêu đề sử dụng cỡ chữ 14, chữ hoa. Lề trái là 3cm, lề phải 2cm, lề trên và lề dưới là 2cm. Báo cáo đóng thành quyển với trang bìa trước và bìa sau.

1. 1 Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm *22* ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-2)
3. *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.* [↑](#footnote-ref-4)
5. 1 Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-5)
6. 2 Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài [↑](#footnote-ref-6)
7. Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-7)
8. 4,5 Chỉ ký tên, đóng dấu khi Đề tài được phê duyệt [↑](#footnote-ref-8)
9. [↑](#footnote-ref-9)
10. Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng [↑](#footnote-ref-10)
11. Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc. [↑](#footnote-ref-11)
12. *,5 Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt.* [↑](#footnote-ref-12)
13. 1 Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-13)
14. 2 Tổ chức đăng ký chủ trì đề án là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề án [↑](#footnote-ref-14)
15. Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-15)
16. 4,5 Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề án được phê duyệt [↑](#footnote-ref-16)
17. [↑](#footnote-ref-17)
18. Trình bày và in trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-18)
19. Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/đề án hoặc dự án SXTN cấp tỉnh. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-19)
20. Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 10 bản thuyết minh đề tài KHXH/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng. [↑](#footnote-ref-20)
21. Nhà khoa học không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này. [↑](#footnote-ref-21)
22. Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-22)
23. *Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;*

    *2 Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 12 của Quy chế;*

    *3,5 Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;*

    *4 Nhiệm vụ cấp Tỉnh gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN, NCCB;*

    *6 Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 03 năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;*

    *7 Tổ chức vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 01 năm; Cá nhân vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 02 năm.*  [↑](#footnote-ref-23)
24. Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thủ nghiệm. [↑](#footnote-ref-24)
25. Ghi tên Hợp đồng được thanh lý [↑](#footnote-ref-25)
26. Ghi tên Hợp đồng được thanh lý [↑](#footnote-ref-26)
27. Ghi tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ [↑](#footnote-ref-27)